

Số: 495/QĐ-ĐHKTYTHD

Hải Dương, ngày 28 tháng 6 năm 2019

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ Đại học Ngành Điều Dưỡng

#### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

Căn cứ quyết định số 868/QĐ-TTg ngày 12/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương;

Căn cứ Quyết định số 1578/QĐ-BYT ngày 24/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương;

Căn cứ Thông tư 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ Đại học;

Căn cứ Quyết định số 1352/QĐ-BYT ngày 24 tháng 4 năm 2012 của Bộ Y tế về việc ban hành "Chuẩn năng lực cơ bản của Điều dưỡng Việt Nam";

Căn cứ Quyết định số 2485/QĐ-BYT ngày 15 tháng 6 năm 2017 về việc phê duyệt nội dung gói đổi mới Chương trình đào tạo điều dưỡng dựa trên năng lực do Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương thực hiện, thuộc tiểu phần 1.2, Dự án Giáo dục và Đào tạo nhân lực y tế phục vụ cải cách hệ thống y tế, vay vốn của Ngân hàng Thế giới;

Căn cứ Quyết định 424/QĐ-ĐHKTYTHD ngày 15/9/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương về việc Ban hành Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng theo học chế tín chỉ;

Căn cứ Quyết định 855/QĐ-ĐHKTYTHD ngày 29/10/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương về việc Ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng theo học chế tín chỉ;

Xét đề nghị của Trường phòng Quản lý Đào tạo.

### QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** Ban hành chương trình đào tạo trình độ Đại học chính quy ngành Điều Dưỡng

**Điều 2.** Căn cứ các chương trình giáo dục đào tạo đã được ban hành tại Quyết định này, các Khoa, Bộ môn liên quan có nhiệm vụ tổ chức thực hiện chương trình theo đúng kế hoạch, hoàn thiện biên soạn tài liệu giảng dạy, kế hoạch bài giảng đảm bảo chất lượng đào tạo.

**Điều 3.** Các ông (bà) Trưởng phòng Quản lý đào tạo, Khảo thí & đảm bảo chất lượng đào tạo, Tổ chức cán bộ, Quản lý KHCN & HTQT, Tài chính kế toán, Hành chính quản trị, Vật tư – Trang thiết bị, Công tác quản lý sinh viên, Công nghệ thông tin, Trưởng các Khoa, Bộ môn toàn Trường căn cứ Quyết định thi hành ./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục KH&ĐT-Bộ Y tế (để B/C);
- Vụ GDĐH - Bộ GD&ĐT (để B/C);
- Lưu VT, QLĐT, Thư viện.



**TS. Đinh Thị Diệu Hằng**

# **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN ĐIỀU DƯỠNG**

*(Kèm theo Quyết định số 495 /QĐ-ĐHKTYTHD ngày 28/06/2019 của*

*Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương)*

## **GIỚI THIỆU NGÀNH NGHỀ ĐÀO TẠO**

Trình độ đào tạo: Đại học

Nhóm ngành đào tạo: Khoa học sức khỏe

Ngành đào tạo: Điều dưỡng

Chức danh khi tốt nghiệp: Cử nhân Điều dưỡng

Mã số đào tạo: 7720301

Thời gian đào tạo: 4 năm

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương

Cơ sở đào tạo: Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương

Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp: Người có bằng tốt nghiệp ngành điều dưỡng trình độ đại học có thể làm việc ở các bệnh viện, các cơ sở chăm sóc sức khỏe từ Trung ương tới cơ sở, các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp và tham gia vào hội nhập thị trường lao động quốc tế.

Bậc học tiếp theo: Thạc sỹ Điều dưỡng

## **MỤC TIÊU ĐÀO TẠO**

### **1.1. Mục tiêu chung:**

Đào tạo Cử nhân Điều dưỡng có kiến thức khoa học cơ bản, kiến thức chuyên ngành Điều dưỡng và kỹ năng thực hành thành thạo, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, làm việc theo nhóm để giải quyết các vấn đề thuộc chuyên ngành phục vụ yêu cầu chăm sóc bảo vệ sức khỏe cho người bệnh và cộng đồng; có phẩm chất đạo đức Điều dưỡng, tinh thần trách nhiệm cao, tác phong thận trọng, chính xác, chân thành hợp tác với đồng nghiệp; có khả năng tự học và nghiên cứu khoa học đáp ứng nhu cầu chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân.

### **1.2. Mục tiêu cụ thể**

1. Cử nhân Điều dưỡng có kiến thức tổng quan về con người bao gồm: Nhận biết về cấu trúc và chức năng của cơ thể ở trạng thái bình thường và bệnh lý qua các thời kỳ trẻ em, người lớn, người cao tuổi làm nền tảng cho việc thực hiện kỹ thuật điều dưỡng và chăm sóc con người.
2. Nhận định đúng tình trạng người bệnh, lập kế hoạch chăm sóc phù hợp với nhu cầu chăm sóc của người bệnh và cá nhân trong cộng đồng. Tổ chức thực hiện chăm sóc người bệnh toàn diện liên tục theo quy trình điều dưỡng phù hợp cho người bệnh nội khoa, ngoại khoa, trẻ em, người cao tuổi và chăm sóc sức khỏe cộng đồng.
3. Có trình độ tiếng Anh A2; Có khả năng sử dụng công nghệ thông tin trong thực hành nghề nghiệp

4. Thực hiện giao tiếp hiệu quả với người bệnh, gia đình người bệnh, cộng đồng và đồng nghiệp trên cơ sở kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, nhằm tạo thuận lợi cho quá trình cung cấp dịch vụ chăm sóc, quản lý điều dưỡng và làm việc trong nhóm chăm sóc.
5. Thực hiện thành thạo các kỹ thuật Điều dưỡng cơ bản, kỹ thuật điều dưỡng phức tạp theo yêu cầu của Bác sĩ, phụ giúp bác sĩ thực hiện các kỹ thuật phức tạp đảm bảo hiệu quả an toàn.
6. Quản lý sử dụng thuốc cho người bệnh đảm bảo an toàn, theo đúng các quy định về sử dụng và quản lý thuốc.
7. Sử dụng và quản lý hiệu quả các trang thiết bị, dụng cụ dùng trong theo dõi và chăm sóc người bệnh khi được phân công.
8. Có khả năng quản lý công việc, điều phối hoạt động trong nhóm chăm sóc, quản lý, sử dụng nguồn lực hợp lý hiệu quả đảm bảo chất lượng chăm sóc.
9. Có khả năng nghiên cứu hoặc tham gia nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực Điều dưỡng; Áp dụng kết quả nghiên cứu trong thực hành chăm sóc; Tham gia hướng dẫn học sinh và đồng nghiệp cấp dưới; Học tập nâng cao trình độ, học tập liên tục để cập nhật kiến thức kỹ năng trong thực hành chăm sóc.
10. Hành nghề phù hợp với năng lực chuyên môn, theo pháp luật của Nhà nước và theo Chuẩn đạo đức Điều dưỡng Việt Nam.

## **CHUẨN ĐẦU RA**

### **Chuẩn đầu ra 1: Có kiến thức tổng quan về con người**

Vận dụng được kiến thức về đặc điểm cấu trúc, chức năng và tâm lý của con người ở trạng thái bình thường và bệnh lý để nhận định, đánh giá tình trạng sức khỏe qua các thời kỳ trẻ em, người lớn, người cao tuổi

### **Chuẩn đầu ra 2: Kỹ năng thành thạo**

Thực hiện thành thạo các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản và một số kỹ thuật điều dưỡng chuyên sâu, kỹ thuật phục hồi chức năng đối với người bệnh đảm bảo an toàn. Thực hiện sơ cứu, cấp cứu kịp thời, hiệu quả trong các tình huống cấp cứu, dịch bệnh, thảm họa. Theo dõi, quản lý người bệnh sau sơ cứu, cấp cứu.

### **Chuẩn đầu ra 3: Dùng thuốc an toàn hiệu quả**

Áp dụng các quy định, quy trình để quản lý, sử dụng thuốc cho người bệnh đảm bảo an toàn và hiệu quả

### **Chuẩn đầu ra 4: Chăm sóc an toàn và chất lượng**

Áp dụng quy trình điều dưỡng dựa trên bằng chứng, có tư duy phản biện trong chăm sóc người bệnh, đảm bảo chăm sóc an toàn và hiệu quả.

### **Chuẩn đầu ra 5: Lấy người bệnh làm trung tâm**

Thực hiện chăm sóc người bệnh toàn diện, liên tục theo đúng quy trình điều dưỡng, phù hợp với văn hoá, tín ngưỡng, luật pháp Việt Nam, điều kiện kinh tế; tôn trọng các quyền của người bệnh, tính cá biệt và tâm sinh lý của từng cá thể; tạo sự an tâm, hài lòng cho người bệnh

### **Chuẩn đầu ra 6: Giao tiếp hiệu quả**

Sử dụng kỹ năng giao tiếp phù hợp để thiết lập, duy trì hiệu quả các mối quan hệ với người bệnh, gia đình và đồng nghiệp; đảm bảo thông tin chính xác, nhanh chóng, đúng phạm vi, chức trách, nhiệm vụ.

### **Chuẩn đầu ra 7: Truyền thông, giáo dục sức khỏe**

Tham gia xây dựng nội dung, chương trình, tài liệu truyền thông, giáo dục sức khỏe. Sử dụng hiệu quả các phương tiện, phương pháp truyền thông, giáo dục sức khỏe cho người bệnh, gia đình và cộng đồng, đặc biệt trong phòng, chống dịch bệnh và thảm họa, thiên tai.

### **Chuẩn đầu ra 8: Phối hợp và làm việc nhóm**

Hợp tác hiệu quả với các thành viên trong nhóm chăm sóc (bao gồm sự phối hợp làm việc, chia sẻ thông tin, tôn trọng vai trò và quan điểm của đồng nghiệp) để đưa ra các quyết định chăm sóc và phối hợp thực hiện chăm sóc phù hợp, an toàn, hiệu quả cho người bệnh và cộng đồng.

### **Chuẩn đầu ra 9: Quản lý chăm sóc**

Áp dụng các nguyên tắc cơ bản và các quy định trong quản lý chăm sóc người bệnh, quản lý hồ sơ bệnh án, quản lý môi trường chăm sóc, thiết bị y tế và các nguồn lực khác để chăm sóc người bệnh an toàn, chất lượng, hiệu quả.

### **Chuẩn đầu ra 10: Nghiên cứu và cải tiến chất lượng**

Thực hiện/Tham gia/Áp dụng nghiên cứu khoa học điều dưỡng, sáng kiến, cải tiến chất lượng dựa vào bằng chứng trong chăm sóc người bệnh và cộng đồng.

### **Chuẩn đầu ra 11: Phát triển nghề nghiệp và cá nhân**

Có tư duy đổi mới, sáng tạo, học tập suốt đời, phát triển năng lực cho bản thân; có trình độ tiếng Anh bậc 3/6, chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản trở lên; khả năng thích ứng và kỹ năng tìm kiếm việc làm; tham gia hướng dẫn sinh viên và đồng nghiệp; tuyên truyền quảng bá về nghề Điều dưỡng.

### **Chuẩn đầu ra 12: Trách nhiệm đạo đức và pháp lý**

Hiểu biết về quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân. Hành nghề theo quy định của Pháp luật, các quy định về Y đức và đạo đức điều dưỡng trong chăm sóc sức khỏe cho người bệnh, gia đình và cộng đồng.

### **NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH**

TT	Mã môn	Học phần	Tín chỉ			
			Tổng	LT	TH	LS
I		<b>KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG (chưa kể Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng – an ninh)</b>				
		<b>Kiến thức chung</b>	<b>24</b>	<b>22</b>	<b>2</b>	

TT	Mã môn	Học phần	Tín chỉ			
			Tổng	LT	TH	LS
<b>1</b>	<b>Lý luận Mác - Lênin và tư tưởng Hồ chí Minh</b>		<b>11</b>			
1.1	POL 1005	Triết học Mác – Lênin	3	3	0	0
1.2	POL 1006	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	2	0	0
1.3	POL 1007	Chủ nghĩa xã hội khoa học (CNXHKKH)	2	2	0	0
1.4	POL 1008	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	0
1.5	POL 1009	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	0
<b>2</b>	<b>Ngoại ngữ (giao tiếp - chuyên ngành)</b>					
2.1	ENG 1001	Tiếng Anh 1	4	4	0	0
2.2	ENG 1002	Tiếng Anh 2	4	4	0	0
2.3	ENG 1013	Tiếng Anh chuyên ngành	2	2	0	0
<b>3</b>	INT 1003	<b>Tin học</b>	<b>3</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>0</b>
<b>4</b>	GDTC 1001	<b>Giáo dục thể chất 1</b>				
	GDTC 2003	Giáo dục thể chất (bóng chuyền)				
	GDTC 2004	Giáo dục thể chất (cầu lông)				
<b>5</b>	GDQP	<b>Giáo dục quốc phòng - an ninh(165 tiết)</b>				
<b>Kiến thức cơ sở khối ngành khoa học sức khỏe</b>			<b>4</b>	<b>4</b>		
<b>1</b>		<b>Modul Bản chất của hoạt động sống</b>	<b>4</b>	<b>4</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
	PBCP 1021	Hóa học - Lý sinh	2	2	0	0
	BIOL 1002	Phôi thai và Di truyền học	2	2	0	0
<b>II</b>	<b>KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP</b>		<b>110</b>	<b>48</b>	<b>27</b>	<b>35</b>
<b>Kiến thức cơ sở chuyên ngành Điều dưỡng</b>			<b>43</b>	<b>25</b>	<b>18</b>	
<b>1</b>		<b>Modul Cơ sở khoa học của Điều dưỡng</b>	<b>13</b>	<b>10</b>	<b>3</b>	<b>0</b>
	BIOL 1007	Giải phẫu -Sinh lý I	4	3	1	0
	BIOL 1008	Giải phẫu -Sinh lý II	2	1	1	0
	BIOL 1103	Sinh lý bệnh – miễn dịch	2	2	0	0
	MLT 1102	Hoá sinh	2	2	0	0
	NUR 1102	Dược lý Điều dưỡng	3	2	1	0
<b>2</b>	MLT 1108	<b>Modul Vi sinh - Ký sinh trùng và Kiểm soát nhiễm khuẩn</b> <i>-Tác nhân vi khuẩn, vi rút, ký sinh vật gây bệnh</i> <i>- Kiểm soát nhiễm khuẩn</i>	<b>3</b>	<b>2</b>	<b>1</b>	<b>0</b>
<b>3</b>		<b>Modul Điều dưỡng cơ bản</b>	<b>12</b>	<b>1</b>	<b>11</b>	<b>0</b>
	NUR 1115	Điều dưỡng cơ bản 1	4	0	4	0
	NUR 1116	Điều dưỡng cơ bản 2	4	0	4	0

TT	Mã môn	Học phần	Tín chỉ			
			Tổng	LT	TH	LS
	NUR 1118	Giao tiếp trong thực hành Điều dưỡng	2	1	1	0
	NUR 1119	Đánh giá thể chất	2	0	2	0
<b>4</b>	SOC 2131	<b>Modul Sức khỏe và Nâng cao sức khỏe</b> - <i>Sức khỏe môi trường</i> - <i>Giáo dục sức khỏe</i>	<b>3</b>	<b>2</b>	<b>1</b>	<b>0</b>
<b>5</b>	BIOL 2105	Dinh dưỡng	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>6</b>	NUR 2220	Tổ chức và Quản lý điều dưỡng	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>7</b>	NUR 2221	Tâm lý và đạo đức điều dưỡng	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>8</b>		<b>Modul Nghiên cứu Điều dưỡng</b>	<b>6</b>	<b>4</b>	<b>2</b>	<b>0</b>
	MATH 2003	Xác suất thống kê	3	2	1	0
	SOC 3308	Nghiên cứu Điều dưỡng	3	2	1	0
<b>Kiến thức ngành chuyên ngành Điều dưỡng</b>						
<b>1</b>		<b>PHẦN BẮT BUỘC</b>	<b>57</b>	<b>22</b>	<b>8</b>	<b>27</b>
1.1		<b>Modul Điều dưỡng phụ nữ, bà mẹ và trẻ sơ sinh</b>	<b>5</b>	<b>2</b>	<b>1</b>	<b>2</b>
	NUR 2222	Điều dưỡng sản phụ khoa	3	2	1	0
	NUR 2223	Thực hành lâm sàng điều dưỡng sản phụ khoa	2	0	0	2
1.2		<b>Modul Điều dưỡng trẻ em</b>	<b>7</b>	<b>2</b>	<b>1</b>	<b>4</b>
	NUR 2224	Điều dưỡng trẻ em	3	2	1	0
	NUR 2225	Thực hành lâm sàng điều dưỡng trẻ em	4	0	0	4
1.3		<b>Modul Điều dưỡng người lớn nội khoa-ngoại khoa 1</b>	<b>10</b>	<b>4</b>	<b>2</b>	<b>4</b>
	NUR 2226	Điều dưỡng người lớn nội 1	3	2	1	0
	NUR 2230	Điều dưỡng người lớn ngoại 1	3	2	1	0
	NUR 2227	Thực hành lâm sàng điều dưỡng người lớn nội 1	2	0	0	2
	NUR 2233	Thực hành lâm sàng điều dưỡng người lớn ngoại 1	2	0	0	2
1.4		<b>Modul Điều dưỡng người lớn nội khoa-ngoại khoa 2</b>	<b>18</b>	<b>8</b>	<b>2</b>	<b>8</b>
	NUR 2228	Điều dưỡng người lớn nội 2	3	2	1	0
	NUR 2235	Điều dưỡng người lớn ngoại 2	3	2	1	0
	NUR 2229	Thực hành lâm sàng điều dưỡng người lớn nội	2	0	0	2

TT	Mã môn	Học phần	Tín chỉ			
			Tổng	LT	TH	LS
		2				
	NUR 3211	Thực hành lâm sàng điều dưỡng người lớn ngoại 2	2	0	0	2
	SOC 2120	Dịch tễ học và chăm sóc người bệnh mắc bệnh truyền nhiễm	2	2	0	0
	NUR 3213	Thực hành lâm sàng Điều dưỡng truyền nhiễm	2	0	0	2
	NUR 2316	Điều dưỡng hồi sức cấp cứu	2	2	0	0
	NUR 4202	Thực hành lâm sàng điều dưỡng hồi sức cấp cứu	2	0	0	2
1.5		<b>Modul Điều dưỡng người lớn nội-ngoại 3</b>	<b>4</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>4</b>
	NUR 2231	Thực hành lâm sàng điều dưỡng người lớn nội 3	2	0	0	2
	NUR 3212	Thực hành lâm sàng điều dưỡng người lớn ngoại 3	2	0	0	2
1.6		<b>Modul Điều dưỡng người cao tuổi</b>	<b>2</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	<b>1</b>
	NUR 2232	Điều dưỡng người cao tuổi	2	1	0	1
1.7		<b>Modul Điều dưỡng tâm thần</b>	<b>2</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	<b>1</b>
	NUR 2234	Điều dưỡng tâm thần	2	1	0	1
1.8		<b>Modul Điều dưỡng gia đình và cộng đồng</b>	<b>4</b>	<b>2</b>	<b>0</b>	<b>2</b>
	NUR 2236	Điều dưỡng gia đình và cộng đồng	2	2	0	0
	NUR 2237	Thực hành lâm sàng điều dưỡng gia đình cộng đồng	2	0	0	2
1.9	NUR 3210	Phục hồi chức năng và Y học cổ truyền	<b>3</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>0</b>
1.10	NUR 4204	Chăm sóc vết thương	<b>2</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	<b>1</b>
<b>2</b>		<b>PHẦN TỰ CHỌN (Chọn 1 trong các học phần sau)</b>	<b>2</b>			
2.1	NUR 4201	Thực hành lâm sàng Điều dưỡng phòng mổ	2	0	0	2
2.1	NUR 4202	Cấp cứu thảm họa	2	1	1	0
2.3	NUR 4203	Chăm sóc sức khỏe người bệnh ung thư và Chăm sóc giảm nhẹ	2	1	0	1
2.4	NUR 1119	Chăm sóc sức khỏe người bệnh chuyên khoa Tai mũi họng	2	0	2	0
2.5	NUR 4206	Chăm sóc sức khỏe người bệnh chuyên khoa Răng Hàm Mặt	2	1	0	1

TT	Mã môn	Học phần	Tín chỉ			
			Tổng	LT	TH	LS
2.6	NUR 4207	Chăm sóc sức khoẻ người bệnh chuyên khoa Mắt	2	1	0	1
2.7	NUR 4208	Chăm sóc sức khoẻ người bệnh chuyên khoa Da Liễu	2	1	0	1
<b>3</b>		<b>Tốt nghiệp (SV thực hiện 1 trong 2 nội dung)</b>	<b>8</b>			
3.1	NUR 4309	Thực tập tốt nghiệp và làm khóa luận tốt nghiệp	8	0	0	8
3.2	NUR 4311	Thực tập tốt nghiệp và thi tốt nghiệp thực hành tay nghề	8	0	0	8
		<b>Tổng toàn khoá (Tín chỉ)</b>	<b>138</b>	<b>74</b>	<b>29</b>	<b>35</b>
		<b>Quy ra tiết, giờ</b>	<b>2070</b>			
		<b>Tỷ lệ %</b>		<b>53,63</b>	<b>21,01</b>	<b>25,36</b>



**4. Trình tự đào tạo, mối liên quan giữa các module/học phần ĐIỀU DƯỠNG ĐK ( 138 TC KHÔNG TÍNH 3 TC GDTC)**

